

Số: 564 /SXD-KTTC

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 3 năm 2025
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý vật liệu xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số: 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD; số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 về việc ủy quyền công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ văn bản số 2539/UBND-CNN&XD ngày 22/5/2024 về việc thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị của các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; báo cáo của các huyện, thành phố và tình hình diễn biến giá cả trên thị trường tại thời điểm tháng 3 năm 2025.

Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình thời điểm tháng 3 năm 2025 như sau:

1. Công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình thời điểm tháng 3 năm 2025 tại Phụ lục số 1.1 và Phụ lục số 1.2 kèm theo.

Giá vật liệu xây dựng được công bố tại các đại lý, nhà phân phối sản phẩm, các điểm mở khai thác thuộc các huyện, thành phố trên cơ sở đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và báo cáo của các huyện, thành phố. Giá vật liệu xây dựng, thiết bị tại Công bố này đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định (chưa bao gồm VAT).

2. Các chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu thiết kế và tính chất đầu tư của dự án để xem xét quyết định tham khảo hoặc sử dụng mức giá tại Công bố này khi xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với mục tiêu đầu tư, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí và phù hợp với tình hình thị trường thực tế tại địa phương.

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Phụ lục Sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá vật liệu xây dựng sử dụng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày

09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng CM và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở;
- Website: <http://soxd.thainguyen.gov.vn>;
- Lưu: KTTC, VT. 

(Anhpt3/2025)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hà

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
14.8	Đèn Led và thiết bị (Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng miền Bắc)		TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)	
*	Đèn Led (Mắt Led: Epistar, Cree, Osram, Bridgelux, Nichia, luxeon 3030 chips inside, Citizen hoặc Lumiled Philips: Nguồn LED DALI Philips hoặc Nguồn DIMMING Philips, Osram, Meanwell, DONE ; Hiệu suất quang: ≥ 110 Lm/w; Chống sét 10Kv: Chất liệu: Nhôm, hợp kim, xuất xứ nhập linh kiện Trung Quốc lắp ráp tại Việt Nam)	cái		

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
	Đèn Led EPSILON-100W, DALI	"		3.286.000
	Đèn Led IOTA-120W, DALI	"		3.774.000
	Đèn Led IOTA-180W, DIM 5 cấp	"		3.982.000
	Bộ đèn LED MB-3135 50W NLMT	"		1.518.000
	Bộ đèn LED MB-3140 60W NLMT	"		1.641.000
	Bộ đèn LED MB-3340 80W NLMT	"		2.936.000
	Bộ đèn LED MUY-100W, DALI	"		4.345.000
	Bộ đèn LED MB-3118 30W NLMT	"		1.980.000
	Bộ đèn LED MB-3240 100W NLMT	"		2.664.000
	Bộ đèn LED PI-110W, DIM 5 cấp	"		2.708.000
	Bộ đèn LED PI-250W, DIM 5 cấp	"		6.253.000
	Bộ đèn LED PHI-150W, DIM 5 cấp	"		5.018.000
	Bộ đèn LED CHI-150W, DIM 5 cấp	"		7.881.200
	Bộ đèn LED UPSILON-150, DIM 5 cấp	"		5.990.000
	Bộ đèn LED A-WIN 40W, DIM 5 cấp	"		2 190 000
	Bộ đèn LED A-WIN 50W, DIM 5 cấp	"		2 240 000
	Bộ đèn LED A-WIN 60W, DIM 5 cấp, DALI	"		2 290 000
	Bộ đèn LED A-WIN 80W, DIM 5 cấp, DALI	"		2 790 000
	Bộ đèn LED A-WIN 90W, DIM 5 cấp, DALI	"		2 890 000
	Bộ đèn LED A-WIN 100W, DIM 5 cấp, DALI	"		3 290 000
	Bộ đèn LED A-WIN 150W, DIM 5 cấp, DALI	"		4 190 000
	Bộ đèn LED A-WIN 200W, DIM 5 cấp, DALI	"		5 090 000

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
*	Cần đèn lắp vào thân cột (Chất liệu: Thép tôn, cần vược=1,5m, chiều cao=2m, mạ kẽm nhúng nóng, xuất xứ Việt Nam)	cái		
	Cần đơn MB01-D, MB02-D, MB03-D, MB04-D, MB05-D, MB06-D, MB10-D, MB11-D	"		1.157.000
	Cần đơn MB01-K MB02-K, MB03-K, MB04-K, MB05-K, MB06-K, MB10-K, MB11-K	"		1.595.000
*	Cột đèn chiếu sáng - Liên cần đơn (vược 1.2m-1,5m, mạ kẽm nhúng nóng, Chất liệu: thép tôn, xuất xứ Việt Nam)	cái		
	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, đế 300x300	"		1.850.000
	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, đế 300x300	"		2.180.000
	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		2.710.000
	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, đế 300x300	"		2.520.000
	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		3.150.000
	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		4.335.000
	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, đế 400x400	"		4.204.000
	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		4.833.000
	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		5.165.000
	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, đế 400x400	"		5.300.000

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
*	Cột đèn chiếu sáng - D78 (thân cột đèn, mạ kẽm nhúng nóng, Chất liệu: thép tôn tấm, xuất xứ Việt Nam)	Cái		
	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, đế 300x300	"		2.050.000
	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, đế 300x300	"		2.180.000
	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, đế 300x300	"		2.650.000
	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		3.591.000
	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		3.480.000
	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, đế 400x400	"		3.950.000
	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, đế 400x400	"		4.000.000
	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 4mm, đế 400x400	"		4.550.000
	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, đế 400x400	"		6.572.000
	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, đế 400x400	"		7.217.000
*	Cột giàn đèn nâng hạ, mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16	Cái		
	Cột đèn nâng hạ 17m có bộ điện nâng hạ, lọng 8-12 đèn	"		97.400.000
	Cột đèn nâng hạ 20m có bộ điện nâng hạ, lọng 8-12 đèn	"		109.400.000
	Cột đèn nâng hạ 25m có bộ điện nâng hạ, lọng 8-12 đèn	"		119.400.000

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
	Cột đèn nâng hạ 30m có bộ điện nâng hạ, lọng 8-12 đèn	"		134.000.000
	Cột đèn nâng hạ 35m có bộ điện nâng hạ, lọng 8-12 đèn	"		158.000.000
*	Cột đèn pha, mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, kim thu sét thụ động D16	cái		
	Cột đa giác, tròn côn 14m (dày 4mm) bắt 2-8 đèn pha	"		18.520.000
	Cột đa giác, tròn côn 15m (dày 4/5mm) bắt 2-8 đèn pha	"		23.530.000
	Cột đa giác, tròn côn 17m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	"		27.520.000
	Cột đa giác, tròn côn 18m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	"		29.670.000
*	Song chắn rác bằng bê tông tính năng cao CNT RHEOCORE		TCVN 10333-3:2016	
	Song chắn rác Composite/Gang 860x430x60 + Khung 960x530 tải trọng 12,5 tấn	Cái		2.000.000
	Song chắn rác Composite/Gang 860x430x60 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	"		3.250.000
	Song chắn rác Composite/Gang 860x430x60 + Khung 960x530 tải trọng 40 tấn	"		3.980.000
	Nắp hố ga Composite/Gang 850x850x30 tải trọng 12.5T	"		2.100.000
	Nắp hố ga Composite/Gang 850x850x30 tải trọng 25T	"		3.230.000
	Nắp hố ga Composite/Gang 850x850x30 tải trọng 40T	"		3.980.000
*	Cột, đèn Tín hiệu giao thông	cái		
	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m dày 5mm	Cái		12.900.000
	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 4m dày 5mm	"		12.300.000
	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng	"		8.300.000

Stt	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn giá
	Bộ Đèn tín hiệu giao thông 3 màu xanh, đỏ, vàng	"		9.056.000
	Đèn LED THGT 3 x D100	"		6.560.000
	Đèn LED THGT 3 x D200	"		7.060.000
	Đèn LED THGT 3 x D300	"		8.970.000
	Đèn mũi tên chỉ hướng D300, Led	"		3.900.000
	Đèn chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	"		4.180.000
	Đèn LED chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	"		4.620.000
	Đèn LED đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	"		3.680.000